

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN CAO HỌC LUẬT KHÓA 23 NĂM 2015 (ĐỊNH HƯỚNG ỨNG DỤNG)

(Kèm theo quyết định số: 2226/QĐ-ĐHLHN ngày 18 tháng 9 năm 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

* Ngành Định hướng ứng dụng



Trang 1

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	GT	Ngoại ngữ				Môn CC	Môn KCC	ĐTC	
						N+Đ	Viết	Nói	TH				
1	U23.C00691	Đỗ Việt	Anh	29/03/93						7.00	7.25	14.25	
2	U23.C00692	Lưu Thị Lan	Anh	16/02/93	Nữ	48.00	12.00	14.00	74.00	7.00	6.75	13.75	
3	U23.C00693	Nguyễn Thị Kiều	Anh	04/09/92	Nữ	47.00	13.00	13.00	73.00	5.25	6.00	11.25	
4	U23.C00695	Nguyễn Thị Hải	Anh	17/09/92	Nữ					5.50	7.25	12.75	
5	U23.C00699	Phạm Tuấn	Anh	03/08/84						6.75	5.75	12.50	
6	U23.C00700	Nguyễn Thị Thuý	An	23/06/93	Nữ	42.00	12.00	12.00	66.00	6.00	6.50	12.50	
7	U23.C00701	Lại Nguyệt	ánh	26/08/78	Nữ	44.00	14.00	17.00	75.00	7.25	6.50	13.75	
8	U23.C00702	Thái Thanh	Bình	27/10/85	Nữ					7.00	6.00	13.00	
9	U23.C00703	Trương Văn	Bình	14/10/88		51.00	14.00	15.00	80.00	6.75	7.00	13.75	
10	U23.C00704	Mai Thị Hương	Chanh	24/04/90	Nữ	42.00	12.00	15.00	69.00	6.75	5.75	12.50	
11	U23.C00706	Nguyễn Ngọc	Chung	11/04/92		44.00	12.00	13.00	69.00	6.50	5.50	12.00	
12	U23.C00707	Nguyễn Văn	Chương	21/08/80		51.00	9.00	14.00	74.00	5.00	7.00	12.00	
13	U23.C00708	Nguyễn Đôn	Cường	02/01/78		39.00	14.00	13.00	66.00	6.50	5.75	12.25	
14	U23.C00710	Nguyễn Công	Duy	19/12/89		45.00	8.00	10.00	63.00	5.50	6.00	11.50	
15	U23.C00711	Đậu Quốc	Dũng	24/03/91		54.00	14.00	18.00	86.00	6.50	5.50	12.00	
16	U23.C00718	Trần Nguyễn Thị Tâm	Đan	16/08/91	Nữ					6.50	5.75	12.25	
17	U23.C00721	Hà Trường	Giang	22/01/87						5.75	6.00	11.75	
18	U23.C00722	Nguyễn Hương	Giang	24/07/86	Nữ	56.00	15.00	16.00	87.00	5.75	6.00	11.75	
19	U23.C00723	Hoàng Thúy	Hà	30/07/92	Nữ	50.00	13.00	13.50	76.50	6.00	6.50	12.50	
20	U23.C00724	Nguyễn Thị Thu	Hà	06/01/89	Nữ	31.00	14.00	8.50	53.50	5.00	5.00	10.00	
21	U23.C00725	Nguyễn Thái	Hà	27/09/86	Nữ	46.00	8.00	12.50	66.50	6.50	5.25	11.75	
22	U23.C00727	Nguyễn Hồng	Hải	13/05/78	Nữ					5.00	7.00	12.00	
23	U23.C00728	Trịnh Thị Thu	Hải	03/05/92	Nữ	49.00	15.00	14.00	78.00	5.75	7.00	12.75	
24	U23.C00729	Lê Thị Thu	Hàng	08/05/85	Nữ	34.00	12.00	6.50	52.50	6.50	5.50	12.00	
25	U23.C00730	Nguyễn Thị	Hàng	04/03/92	Nữ	40.00	11.00	4.50	55.50	5.50	6.00	11.50	
26	U23.C00731	Nguyễn Minh	Hàng	14/08/93	Nữ	52.00	16.00	17.00	85.00	7.00	6.50	13.50	
27	U23.C00732	Nguyễn Thị	Hàng	20/05/93	Nữ	48.00	8.00	12.00	68.00	5.00	6.00	11.00	
28	U23.C00738	Trần Thị Thu	Hiền	15/05/93	Nữ					6.00	6.50	12.50	
29	U23.C00739	Bùi Thị Xuân	Hoa	28/09/73	Nữ					6.00	5.50	11.50	

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN CAO HỌC LUẬT KHÓA 23 NĂM 2015 (ĐỊNH HƯỚNG ỨNG DỤNG)

(Kèm theo quyết định số: 2226/QĐ-ĐHLHN ngày 18 tháng 9 năm 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

* Ngành Định hướng ứng dụng

Trang 2

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	GT	Ngoại ngữ				Môn CC	Môn KCC	ĐTC	Ghi chú
					N+Đ	Viết	Nói	TH				
30	U23.C00740	Đắc Thị Hoa	21/05/88	Nữ	37.00	8.00	13.50	58.50	5.50	6.00	11.50	
31	U23.C00741	Lê Phương Hoa	04/07/93	Nữ	39.00	11.00	13.00	63.00	7.00	6.50	13.50	
32	U23.C00742	Nguyễn Thị Thanh Hoa	23/06/91	Nữ	40.00	12.00	14.00	76.00	7.00	5.50	12.50	Đối tượng ưu tiên
33	U23.C00743	Nguyễn Thị Hoa	22/04/88	Nữ	37.00	13.00	15.00	65.00	5.75	7.00	12.75	
34	U23.C00744	Lê Thị Hoài	05/09/90	Nữ	39.00	7.00	9.00	55.00	6.50	5.75	12.25	
35	U23.C00745	Trịnh Thị Hoà	18/04/91	Nữ	46.00	12.00	13.50	71.50	6.00	6.00	12.00	
36	U23.C00749	Nguyễn Thị Thu Huyền	02/11/83	Nữ	.	.	.	.	5.50	6.00	11.50	
37	U23.C00752	Trần Quang Huy	09/05/88		36.00	14.00	15.00	65.00	6.00	7.00	13.00	
38	U23.C00753	Nguyễn Mạnh Hùng	03/08/66		30.00	12.00	16.00	58.00	7.00	5.00	12.00	
39	U23.C00754	Nguyễn Mạnh Hùng	05/01/87		.	.	.	.	6.00	5.25	11.25	
40	U23.C00755	Bùi Quang Hưng	09/08/70		50.00	15.00	16.00	81.00	6.25	6.00	12.25	
41	U23.C00758	Trần Lê Hưng	08/10/91		37.00	10.00	10.00	57.00	6.00	5.50	11.50	
42	U23.C00763	Trần Thị Thu Hương	25/12/89	Nữ	50.00	8.00	10.00	68.00	6.00	6.75	12.75	
43	U23.C00764	Vũ Thị Thanh Hương	21/11/92	Nữ	.	.	.	.	7.75	7.00	14.75	
44	U23.C00768	Nguyễn Thị Hương Lâm	22/07/93	Nữ	40.00	7.00	10.00	57.00	7.00	5.00	12.00	
45	U23.C00770	Chữ Ngọc Linh	03/07/93		51.00	14.00	16.00	81.00	7.75	5.50	13.25	
46	U23.C00772	Đặng Thuỳ Linh	16/01/89	Nữ	47.00	14.00	13.50	74.50	6.50	5.25	11.75	
47	U23.C00775	Lê Thuỳ Linh	20/01/93	Nữ	57.00	13.00	12.50	82.50	6.50	7.25	13.75	
48	U23.C00776	Nguyễn Thuỳ Linh	12/11/86	Nữ	.	.	.	.	6.00	6.50	12.50	
49	U23.C00777	Phạm Thị Thuỳ Linh	09/12/90	Nữ	47.00	16.00	12.50	75.50	6.75	5.50	12.25	
50	U23.C00778	Tạ Thị Thuỳ Linh	24/07/93	Nữ	50.00	12.00	14.50	76.50	5.50	7.50	13.00	
51	U23.C00779	Trần Thị Diệu Linh	18/02/89	Nữ	47.00	16.00	14.00	77.00	5.50	5.50	11.00	
52	U23.C00780	Nguyễn Thị Thu Loan	12/02/87	Nữ	48.00	14.00	13.00	75.00	5.50	6.00	11.50	
53	U23.C00781	Nguyễn Thị Loan	14/12/73	Nữ	43.00	15.00	13.00	71.00	6.50	6.25	12.75	
54	U23.C00785	Lê Thị Lương	25/06/91	Nữ	50.00	9.00	10.00	69.00	6.50	6.50	13.00	
55	U23.C00789	Lê Minh Lý	25/04/92	Nữ	41.00	11.00	9.00	61.00	7.50	5.00	12.50	
56	U23.C00790	Bùi Thị Thanh Mai	16/06/89	Nữ	42.00	9.00	7.00	58.00	6.25	6.00	12.25	
57	U23.C00792	Lê Tú Mai	11/12/77	Nữ	.	.	.	.	7.00	6.25	13.25	
58	U23.C00793	Bùi Thế Mạnh	03/09/90		37.00	11.00	9.00	57.00	5.50	5.50	11.00	

NE

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN CAO HỌC LUẬT KHÓA 23 NĂM 2015 (ĐỊNH HƯỚNG ỨNG DỤNG)

(Kèm theo quyết định số: 2226 /QĐ-ĐHLHN ngày 18 tháng 9 năm 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

* Ngành Định hướng ứng dụng

TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
LUẬT
HÀ NỘI

Trang 3

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	GT	Ngoại ngữ				Môn CC	Môn KCC	ĐTC	
						N+Đ	Viết	Nói	TH				
59	U23.C00794	Phạm Thị Minh	Minh	01/11/86	Nữ	.	.	.	.	6.75	6.50	13.25	
60	U23.C00797	Nguyễn Hữu	Nam	06/11/93		45.00	13.00	11.00	69.00	7.75	6.50	14.25	
61	U23.C00798	Phạm Thị Hoài	Nam	18/01/85	Nữ	43.00	8.00	12.00	63.00	5.25	7.25	12.50	
62	U23.C00799	Đặng Thị Hoàng	Nga	30/11/86	Nữ	.	.	.	.	5.50	5.00	10.50	
63	U23.C00802	Chu Bích	Ngọc	03/11/93	Nữ	48.00	12.00	10.00	70.00	6.75	6.50	13.25	
64	U23.C00804	Nguyễn Duy	Nguyễn	06/01/63		.	.	.	.	6.25	6.75	13.00	
65	U23.C00805	Hạp Thị Như	Nguyệt	27/04/89	Nữ	50.00	14.00	14.00	78.00	7.00	7.00	14.00	
66	U23.C00806	Vũ Thị	Nguyệt	29/08/88	Nữ	37.00	14.00	15.00	66.00	6.50	6.50	13.00	
67	U23.C00808	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	29/05/84	Nữ	40.00	9.00	13.00	62.00	5.00	5.75	10.75	
68	U23.C00809	Phạm Hồng	Nhung	16/11/93	Nữ	42.00	16.00	11.00	69.00	6.25	5.00	11.25	
69	U23.C00810	Trần Hải	Ninh	25/11/91	Nữ	53.00	15.00	11.00	79.00	6.00	5.25	11.25	
70	U23.C00811	Đỗ Kim	Oanh	17/06/93	Nữ	54.00	15.00	15.00	84.00	7.00	5.50	12.50	
71	U23.C00812	Lê Thị	Oanh	01/10/93	Nữ	42.00	12.00	10.00	64.00	6.25	5.75	12.00	
72	U23.C00813	Phạm Văn	Oanh	07/12/74		39.00	13.00	16.00	68.00	7.00	6.75	13.75	
73	U23.C00814	Dương Văn	Phong	23/09/73		26.00	13.00	14.00	53.00	6.00	6.00	12.00	
74	U23.C00817	Long Vũ Quỳnh	Phương	01/07/93	Nữ	41.00	10.00	10.00	71.00	6.50	5.75	12.25	Đối tượng ưu tiên
75	U23.C00818	Lương Thị Hà	Phương	06/06/93	Nữ	.	.	.	.	8.00	5.75	13.75	Đối tượng ưu tiên
76	U23.C00819	Nguyễn Minh	Phương	02/09/93	Nữ	40.00	9.00	9.00	58.00	5.00	6.00	11.00	
77	U23.C00820	Nguyễn Thị	Phượng	29/04/93	Nữ	49.00	6.00	11.00	66.00	6.50	6.50	13.00	
78	U23.C00821	Nguyễn Đức	Quang	18/08/89		49.00	12.00	14.00	75.00	6.50	6.00	12.50	
79	U23.C00824	Trịnh Huỳnh	Quân	02/01/92		50.00	13.00	11.00	74.00	5.75	6.50	12.25	
80	U23.C00825	Nguyễn Thị	Quyên	20/10/76	Nữ	.	.	.	.	6.00	5.50	11.50	
81	U23.C00826	Ngô Thị Mai	Quý	15/10/93	Nữ	49.00	15.00	17.00	81.00	7.50	5.25	12.75	
82	U23.C00827	Đặng Thuý	Quỳnh	25/05/91	Nữ	47.00	14.00	14.00	75.00	7.00	7.00	14.00	
83	U23.C00831	Nguyễn Hữu	Thành	23/07/80		34.00	13.00	14.00	61.00	6.25	6.75	13.00	
84	U23.C00834	Nguyễn Thị	Thảo	05/07/89	Nữ	39.00	13.00	9.00	71.00	6.50	5.50	12.00	Đối tượng ưu tiên
85	U23.C00835	Trần Thị Thu	Thảo	26/08/91	Nữ	54.00	13.00	9.00	76.00	6.00	6.00	12.00	
86	U23.C00836	Trần Thị	Thảo	05/09/89	Nữ	39.00	15.00	13.00	67.00	5.50	6.00	11.50	
87	U23.C00837	Tường Thanh	Thảo	11/12/93	Nữ	52.00	13.00	17.00	82.00	6.00	5.75	11.75	

nc

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN CAO HỌC LUẬT KHÓA 23 NĂM 2015 (ĐỊNH HƯỚNG ỨNG DỤNG)

(Kèm theo quyết định số: 2226 /QĐ-ĐHLHN ngày 18 tháng 9 năm 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

* Ngành: Định hướng ứng dụng

Trang 4

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	GT	Ngoại ngữ				Môn CC	Môn KCC	ĐTC	Ghi chú
						N+Đ	Viết	Nói	TH				
88	U23.C00839	Lưu Việt	Thắng	25/09/93		.	.	.		5.00	7.00	12.00	
89	U23.C00843	Dương Thị	Thu	05/05/91	Nữ	32.00	13.00	13.00	58.00	7.50	7.25	14.75	
90	U23.C00846	Đỗ Phương	Thúy	12/10/92	Nữ	.	.	.		7.50	6.25	13.75	
91	U23.C00847	Trần Thị	Thúy	02/09/89	Nữ	46.00	16.00	14.00	76.00	6.25	7.00	13.25	
92	U23.C00849	Lưu Thị	Thương	03/02/91	Nữ	40.00	10.00	11.00	61.00	6.50	5.75	12.25	
93	U23.C00850	Nguyễn Thị	Thương	27/03/92	Nữ	.	.	.		7.50	5.00	12.50	
94	U23.C00854	Nguyễn Đào	Tơ	15/03/83	Nữ	30.00	10.00	14.00	54.00	7.00	6.00	13.00	
95	U23.C00855	Chu Linh	Trang	05/08/93	Nữ	.	.	.		8.50	7.00	15.50	Đối tượng ưu tiên
96	U23.C00856	Đinh Thu	Trang	17/11/93	Nữ	53.00	14.00	16.00	83.00	7.00	5.00	12.00	
97	U23.C00857	Đỗ Thị Thu	Trang	28/08/83	Nữ	.	.	.		6.25	5.75	12.00	
98	U23.C00858	Hoàng Thị Thu	Trang	16/05/91	Nữ	51.00	12.00	17.00	80.00	6.50	6.00	12.50	
99	U23.C00859	Lê Thị Huyền	Trang	28/03/93	Nữ	47.00	13.00	17.00	77.00	5.50	6.50	12.00	
100	U23.C00860	Nguyễn Thu	Trang	30/06/93	Nữ	.	.	.		6.25	6.50	12.75	
101	U23.C00862	Phạm Thị	Trình	27/03/91	Nữ	44.00	11.00	11.00	66.00	7.00	7.00	14.00	
102	U23.C00863	Đặng Hải	Triều	29/08/79		46.00	12.00	14.00	72.00	5.25	5.50	10.75	
103	U23.C00868	Nguyễn Văn	Tuyến	24/07/74		57.00	14.00	10.00	81.00	6.00	6.00	12.00	
104	U23.C00871	Nguyễn Sơn	Tùng	16/09/92		.	.	.		6.75	5.50	12.25	
105	U23.C00874	Nguyễn Khánh	Vân	27/12/91	Nữ	47.00	9.00	14.00	70.00	5.50	6.25	11.75	
106	U23.C00875	Nguyễn Phương	Vy	11/10/93	Nữ	51.00	13.00	13.00	77.00	5.50	5.50	11.00	
107	U23.C00876	Nguyễn Thị	Xuyên	17/07/88	Nữ	56.00	14.00	15.00	85.00	5.25	6.75	12.00	

Cộng ngành : 107 thí sinh

TỔNG SỐ THÍ SINH TRÚNG TUYỂN : 107 THÍ SINH

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

